

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2023 (Tóm tắt)

2023 Sustainability report (Summary)

Mục/ Item	Kết quả 2023/ Performance 2023	Ghi chú/ Note
Tổng lao động/ Total labor	532	31/12/2023
Giới tính/ Gender (Male / Female)	368/164	
Số sản phẩm mới đưa ra thị trường/ Number of new launching product	2	
Số lượng cải tiến sản phẩm về dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe/ Number of nutritional improvement that beneficial to health	1	
Phát thải khí nhà kính/ GHG emission – (Phạm vi/ scope 1)	1.094,82 Tấn CO ₂ td tons of CO ₂ eq	Nguồn/ Source: - Sử dụng dầu DO/ DO consumption - Nhân viên sale di chuyển/ Moving of sale staffs - Vận chuyển hàng hóa/ Transportation - Nước thải/ Waste water - Rò rỉ ga làm lạnh/ Refrigerant leakage
Phát thải khí nhà kính/ GHG emission – (Phạm vi/ scope 2)	8.543,79 Tấn CO ₂ td tons of CO ₂ eq	Nguồn/ Source - Điện/ Electricity - Hơi/ Steam
Tỷ lệ phần trăm chất thải được tái sử dụng, tái chế/ percentage of waste are classified, collected, recycled	66.78%	
Nước máy sử dụng/ used tap water	3255,6 m ³	
Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption	14.196 MWh	
Tỷ lệ phần trăm năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trong cơ cấu năng lượng/ percentage of clean energy, renewal energy in total energy consumption	28,2%	
Số lao động là người khuyết tật (nếu có)/ disable labor (if any)	0	
Số cán bộ nữ là lãnh đạo cấp trung trở lên (từ phó phòng trở lên) và tỷ lệ trong tổng số lãnh đạo/ number female labor is mid-management (above deputy head of department/ Section manager) and ratio in total managers	Số lượng/ quantity: 8 Tỷ lệ/ Ratio: 30,77%	
Tỷ lệ lãnh đạo nữ trong ban giám đốc, hội đồng quản trị/ Ratio of female labor in BODs, Executive Boards	Tỷ lệ/ Ratio: 20%	

Mục/ Item	Kết quả 2023/ Performance 2023	Ghi chú/ Note
Số lao động là người địa phương và tỷ lệ/ <i>number of labor is local people (who live in Thai Nguyen) and ratio</i> (Áp dụng cho nhà máy Thái Nguyên – <i>applied for Thai Nguyen Head office and factory</i>)	Số lượng/ Quantity : 307 Tỷ lệ/ ratio : 57%	
Tổng số lượt đào tạo/ <i>Total training turns</i>	1.066	
Thời gian đào tạo trung bình của nhân viên (giờ/năm)/ <i>Average training time for employee (hours/ year)</i>	12,6	
Số tai nạn, số sự cố lao động xảy ra trong năm/ <i>Total accident occur in year</i>	0	
Tổng số ngày nghỉ do tai nạn/ <i>Number of Lost Time Injury</i>	0	
Tổng số vụ suýt tai nạn/ <i>Number of near-miss incident</i>	0	
Tổng số vụ vi phạm về tham nhũng, hối lộ, không trung thực. <i>Total bribery, corruption, dishonesty incident</i>	0	
Số lần công ty đối thoại cộng đồng/ <i>number of dialogue between community & community</i>	1	
Số vụ khiếu nại từ cộng đồng và các bên ngoài công ty (không tính khách hàng) <i>Number of feedback, complaint from outside (regardless customers)</i>	0	